

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DSST

Ngày: 29/10/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Soa

Bà Phùng Thị Quỳnh Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Anh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 07 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1968. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Chị Cao Thị C, sinh năm 1970. Có mặt

Đều trú tại: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1977. Vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Khối Đ (khối 5 cũ), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Văn D, sinh năm 1974. Vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Khối Đ (khối 5 cũ), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

- Người làm chứng: bà Đinh Thị N, sinh năm 1972. Vắng, mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm 5 (xóm 8 cũ), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/07/2021, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Văn L, chị Cao Thị C trình bày:

Vợ chồng anh Phan Văn L, Cao Thị C và vợ chồng chị Võ Thị L, Cao Văn D có quan hệ họ hàng (Cao Thị C và anh Cao Văn D là chị em con chú con bác ruột).

Ngày 06 tháng 06 năm 2018, chị Võ Thị L có đến nhà vợ chồng anh Phan Văn L, Cao Thị C vay số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (*Chín*) chỉ vàng 9999. Mục đích vay là để lo cho con đi xuất khẩu lao động và mua đất. Khi vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và có lập giấy vay nợ đề ngày 06/06/2018, do chính chị Võ Thị L viết, ký tên và điểm chỉ. Chị Cao Thị C cũng ký vào giấy vay nợ đó. Chị Võ Thị L hẹn đến tháng 10 năm 2020 sẽ trả cho vợ chồng anh L, chị C số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), sau đó trả tiếp mỗi tháng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Khi chị Võ Thị L đến nhà vợ chồng anh L, chị C vay tiền, vàng thì vợ chồng chị Cao Thị C, anh Phan Văn L đều ở nhà. Chị Võ Thị L có nói với chị Cao Thị C là anh D (chồng của chị L) biết chị L đến nhà vợ chồng chị Cao Thị C, anh Phan Văn L để vay tiền để lo cho con đi xuất khẩu lao động và mua đất. Khi chị Võ Thị L đến vay tiền, vàng, có bà Đinh Thị N đang ở nhà anh L, chị C. Việc chị Cao Thị C có giao tiền, vàng cho chị Võ Thị L; chị Võ Thị L đã nhận tiền, vàng từ chị Cao Thị C, bà N đều trực tiếp chứng kiến.

Khoảng một tháng sau, chị Võ Thị L đến nhà vợ chồng anh L, chị C để viết giấy vay nợ. Do bà Đinh Thị N có trực tiếp chứng kiến sự việc chị L vay tiền, vàng nên vợ chồng anh L, chị C có nhờ bà N đến chứng kiến việc chị Võ Thị L viết giấy vay nợ. Việc chị Võ Thị L viết giấy vay nợ đề ngày 06/6/2018 tại nhà vợ chồng anh L, chị C là hoàn toàn tự nguyện, trong trạng thái, minh mẫn, tỉnh táo, không ai ép buộc. Sau khi chị L viết giấy vay nợ xong, thì vợ chồng anh L, chị C và bà Đinh Thị N cùng ký vào giấy vay nợ.

Tuy nhiên, đến hạn chị Võ Thị L không thực hiện đúng như cam kết, khất hạn anh L, chị C lần này đến lần khác. Đến ngày 26/12/2020 âm lịch, vợ chồng anh L, chị C có đến nhà chị Võ Thị L và anh Cao Văn D để hỏi nợ. Anh Cao Văn D và chị Võ Thị L tiếp tục hứa hẹn qua tết nguyên đán sẽ trả trước cho vợ chồng anh L, chị C 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Mặc dù vợ chồng anh L, chị C đã nhiều lần liên lạc, trực tiếp đến nhà đòi nợ nhưng cho đến nay vợ chồng chị Võ Thị L chưa trả cho vợ chồng anh L, chị C bất cứ khoản tiền nào.

Để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mình, vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C đề nghị tòa án buộc vợ chồng chị Võ Thị L, anh Cao Văn D phải trả cho vợ chồng anh L, chị C số tiền 273.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng 9999 (Theo giá thị trường vàng anh L tham khảo ngày 19/6/2021 là 5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng). Tổng cộng cả tiền VNĐ và vàng là 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Về lãi suất, do có quan hệ họ hàng, vợ chồng anh L, chị C không yêu cầu.

Do bị đơn – chị Võ Thị L không chấp hành các văn bản tố tụng, không gửi ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không tham gia vào các buổi làm việc do Tòa án ấn định, tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến của chị Võ Thị L.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn D trình bày: Vợ chồng anh Cao Văn D, chị Võ Thị L có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C. Anh D và chị C là con chú con bác.

Về việc vay nợ, vợ anh – chị Võ Thị L có vay mượn tiền, vàng của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C khi nào anh không biết. Khoảng mừng 3 Tết (âm lịch) năm 2020, vợ chồng anh L, chị C đến nhà đòi nợ thì anh mới biết việc vợ anh – chị Võ Thị L đã vay của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999. Khi đó, vợ chồng anh Cao Văn D đã xin anh L, chị C cho thêm thời gian trả nợ. Do làm ăn khó khăn nên cho đến nay, vợ chồng anh D chưa trả được khoản nợ gốc nào cho anh L, chị C. Về lãi suất, anh L, chị C không yêu cầu vợ chồng anh D phải trả anh D hoàn toàn đồng ý.

Vợ anh D – chị Võ Thị L có vay mượn tiền để cho con đi xuất khẩu lao động trong năm 2018. Việc vay mượn tiền cụ thể thế nào anh D không biết. Anh cũng không biết việc vợ anh – chị Võ Thị L vay mượn tiền, vàng của anh L, chị C có phải để cho con đi xuất khẩu lao động hay không. Anh D khẳng định việc vợ anh – Võ Thị L có vay mượn của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999 là có thật. Anh L thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 06/06/2018 đúng là chữ viết, chữ ký của chị Võ Thị L. Tuy nhiên, việc vay nợ này chỉ một mình chị L vay. Ngoài ra, các con anh đi xuất khẩu lao động cũng không gửi tiền về cho anh. Do đó, theo quan điểm của anh, anh không liên quan đến việc vay nợ giữa vợ anh – Võ Thị L và anh L, chị C. Đề nghị Tòa án buộc một mình vợ anh – chị Võ Thị L phải trả nợ cho vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999. Đề nghị Tòa án không triệu tập anh với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Anh D không có bất cứ tài liệu, giấy tờ gì giao nộp cho Tòa án; ngoài ra anh không có yêu cầu độc lập. Anh D hoàn toàn đồng ý với ý kiến của vợ chồng anh L, chị C về việc quy đổi 09 (chín) chỉ vàng 9999 theo giá thị trường vàng là 5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng. Tổng cộng cả tiền mặt và vàng vợ anh – chị Võ Thị L cần trả cho vợ chồng anh L, chị C là 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Người làm chứng bà Đinh Thị N trình bày: Bà N và vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C có mối quan hệ quen biết, là người trong cùng một xã. Bà N và chị Võ Thị L không có mối quan hệ quen biết, anh em họ hàng gì. Trong cuộc sống, từ trước đến nay, bà N không có bất kỳ mâu thuẫn gì với vợ chồng anh L, chị C và chị Võ Thị L.

Vào ngày tháng cụ thể bà Đinh Thị N không nhớ, năm 2018, bà đến nhà chị Cao Thị C, anh Phan Văn L để chơi. Khi bà N đến thì cả chị C và anh L đều đang có mặt ở nhà. Khoảng 15 phút sau, có một người phụ nữ đến nhà chị C đề hỏi vay tiền. Qua giới thiệu của chị C, bà N biết người phụ nữ đó tên là Võ Thị L – là họ hàng của vợ chồng chị Cao Thị C, anh Phan Văn L.

Bà N trực tiếp chứng kiến việc chị Võ Thị L và chị Cao Thị C có thỏa thuận về việc vay tiền. Khi đó, các bên không lập văn bản gì. Bà N trực tiếp chứng kiến việc chị Cao Thị C có giao tiền, vàng cho chị Võ Thị L trước mặt bà N. Bà N khẳng định chị Cao Thị C có đưa tiền, vàng cho chị Võ Thị L, chị Võ Thị L đã nhận tiền, vàng từ chị Cao Thị C. Về lý do vay, số tiền, vàng chị C cho chị L vay cụ thể như thế nào bà N không biết.

Tại thời điểm chị Võ Thị L đến vay tiền, vàng, chị Cao Thị C giao tiền, vàng có mặt bốn người là: Chị Võ Thị L, chị Cao Thị C, anh Phan Văn L và bà Đinh Thị N. Khoảng một tháng sau, bà N không nhớ thời gian cụ thể, chị Cao Thị C có gọi điện bà N đến nhờ bà N làm chứng việc chị Võ Thị L viết giấy vay nợ vì trước đó, bà N có biết sự việc chị Võ Thị L vay tiền, vàng của chị Cao Thị C. Bà N trực tiếp chứng kiến chị Võ Thị L viết giấy vay tiền, vàng tại nhà chị Cao Thị C và tự nguyện ký vào giấy. Việc vay nợ, viết giấy vay nợ giữa chị Võ Thị L và chị Cao Thị C là hoàn toàn tự nguyện, thống nhất, ngay tình, công khai. Chị Võ Thị L viết giấy vay nợ đề ngày 06/06/2018 trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, tinh táo, không bị ai ép buộc, đe dọa. Tại thời điểm chị Võ Thị L viết giấy vay nợ đề ngày 06/06/2018, có mặt ba người là: Chị Võ Thị L, chị Cao Thị C và bà Đinh Thị N. Việc trả nợ giữa chị Võ Thị L và chị Cao Thị C như thế nào bà N không rõ.

Bà N khẳng định dòng chữ “Người làm chứng”, chữ ký “N”, “Đinh Thị N” ở cuối giấy vay nợ ngày 06/06/2018 do chị Võ Thị L viết đúng là chữ ký, chữ viết của bà Đinh Thị N.

Về quan điểm giải quyết vụ án, bà N khẳng định việc vay nợ giữa chị Võ Thị L và vợ chồng chị Cao Thị C, anh Phan Văn L là có thật, có viết giấy vay nợ. Theo bà N, vợ chồng chị Võ Thị L phải có ý thức trả nợ cho vợ chồng chị Cao Thị C, anh Phan Văn L. Nếu chị L không trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn chị Võ Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên bị đơn chị Võ Thị L không chấp hành các văn bản tố tụng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc chị Võ Thị L, anh Cao Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền gốc 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) (Trong đó tiền gốc 273.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng 9999 (5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng) cho anh

Phan Văn L, chị Cao Thị C; không có lỗi suất do nguyên đơn không yêu cầu. Chị Võ Thị L, anh Cao Văn D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định; Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Phan Văn L, chị Cao Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 06/6/2018 đối với bị đơn là chị Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn D đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại khối Đoàn Kết, phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền, vàng đã vay. Trong quá trình vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền, vàng đã vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tiền, vàng)

[1.3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn chị Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn D tham gia phiên tòa nhưng họ đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Người làm chứng bà Đinh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh D, bà N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về việc xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa các bên:

Căn cứ vào giấy vay nợ ngày 06/06/2018, lời trình bày của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C, đặc biệt là lời khai người làm chứng – bà Đinh Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/06/2018, chị Võ Thị L có vay vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999, có lập thành văn bản, có chữ ký đề tên người vay tiền Võ Thị L, người cho vay Cao Thị C, Phan L; người làm chứng Đinh Thị N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Cao Văn D khẳng định việc vay vợ anh – chị Võ Thị L vay tiền, vàng anh Phan Văn L và chị Cao Thị C là có thật, chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ viết, chữ ký của chị Võ Thị L. Thời điểm vay cụ thể anh không biết. Khoảng mùng 3 Tết (âm lịch) năm 2020, vợ chồng anh L, chị C đến nhà đòi nợ thì anh mới biết việc vợ anh – chị Võ Thị L

đã vay của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999.

Vì vậy, căn cứ vào giấy vay nợ, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận: Ngày 06/06/2018, chị Võ Thị L có vay vợ chồng anh Phan Văn L, chị Cao Thị C số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và 09 (chín) chỉ vàng 9999 là đúng thực tế.

Căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản, theo đó bên cho vay là anh Phan Văn L, chị Cao Thị C; bên vay là chị Võ Thị L. Sau khi anh D biết việc vợ mình – chị Võ Thị L vay tiền, vàng, vợ chồng anh D, chị L đã xin anh L, chị C cho thêm thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, cho đến nay, anh D thừa nhận, vợ chồng anh D, chị L chưa trả được cho vợ chồng anh L, chị C khoản nợ gốc nào.

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định 19/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán thì hành vi cho vay vàng giữa nguyên đơn, bị đơn là hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng. Do đó, việc nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất 01 chỉ vàng 9999 được quy đổi thành tiền Việt N đồng là 5.600.000 đồng để xác định tổng số tiền vay là phù hợp với giá vàng tại thời điểm xét xử, cần chấp nhận.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ vào giấy vay nợ đề ngày 06/06/2018, lời khai của anh Cao Văn D và kết quả xác minh tại UBND phường Nghi Thủy, anh Cao Văn D và chị Võ Thị L là vợ chồng; mục đích vay là để sử dụng chung (Mua đất, lo cho con đi xuất khẩu lao động); căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là khoản nợ chung của anh D, chị L. Anh D, chị L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Việc anh Cao Văn D khai nại việc vay nợ này chỉ một mình chị L vay, anh không liên quan, đề nghị Tòa án không triệu tập anh với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Cao Văn D, chị Võ Thị L phải trả tổng số tiền gốc 273.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng 9999 (5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng). Tổng cộng cả tiền VNĐ và giá trị bằng tiền của vàng là 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), không yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc chị Võ Thị L vay tiền, vàng của anh Phan Văn L, chị Cao Thị C là có thật, lập thành văn bản, xác nhận của anh D, của người làm chứng, mục đích vay sử dụng chung. Việc anh D, chị L có quan hệ họ hàng, được anh L, chị C cho vay nợ nhưng chây ỳ không trả nợ, không có thiện chí giải quyết vụ án là hành vi trái chuẩn mực đạo đức, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật

dân sự. Anh Phan Văn L, chị Cao Thị C không yêu cầu vợ chồng chị L, anh D phải trả tiền lãi suất là hoàn toàn toàn từ nguyên đơn vụ kháng vi phạm Điều cấm của luật, kháng nghị (lỗi) nên cần chấp nhận và buộc vợ chồng anh Cao Văn D, chị Võ Thị L phải trả tổng số tiền 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) (Cụ thể: Tiền gốc 273.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng 9999: 5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng) cho anh L, chị C là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và lẽ công bằng.

[3]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Phan L, chị Cao Thị C được chấp nhận nên bị đơn chị Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 4 Nghị định 19/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Võ Thị L, anh Cao Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 323.400.000đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). (Trong đó: Tiền gốc 273.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng 9999: 5.600.000đ/1 chỉ x 09 chỉ = 50.400.000 đồng) cho anh Phan Văn L, chị Cao Thị C; không có lãi suất.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Võ Thị L, anh Cao Văn D phải chịu 16.170.000đ (*Mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Phan Văn L, chị Cao Thị C 8.085.000 đồng (*Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006395 ngày 08/07/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

4. Chị Cao Thị C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Phan Văn L, chị Võ Thị L, anh Cao Văn D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX Cửa Lò;
- Chi cục THADS TX Cửa Lò;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh